



QUY ĐỊNH

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND

Ngày 16 tháng 5 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực khoa học và công nghệ; cơ quan nhà nước được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức thực hiện cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công là mức độ dịch vụ đáp ứng được các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Quy định này.

2. Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công là những chỉ tiêu làm cơ sở đo lường chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước và đáp ứng theo yêu cầu của của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng để các đơn vị cung ứng dịch vụ phải đáp ứng.

3. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là kết quả đánh giá các tiêu chí cần đạt được khi thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ

Quy định tiêu chí tiêu chuẩn các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Danh mục các dịch vụ theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 5. Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công

Chậm nhất 01 tháng trước khi kết thúc dịch vụ sự nghiệp công, cơ quan giao nhiệm vụ/đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực khoa học và công nghệ theo các tiêu chí tiêu chuẩn chất lượng và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại Phụ lục kèm theo. Khi phát hiện sai sót, cơ quan giao/đặt hàng yêu cầu bên cung ứng dịch vụ khắc phục, xử lý nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 6. Kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công

Trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá, cơ quan giao nhiệm vụ/đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công có quyền kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công khi cần thiết. Việc kiểm định chất lượng sẽ được thực hiện bởi các đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định pháp luật. Kinh phí kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 7. Cơ chế đánh giá, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công, thanh toán dịch vụ, quyết toán kinh phí

1. Khi đơn vị hoàn thành cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, Cơ quan giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu tổ chức nghiệm thu đánh giá chất lượng dịch vụ làm cơ sở thanh, quyết toán kinh phí thực hiện dịch vụ.

2. Việc đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện trên các tiêu chí tiêu chuẩn chất lượng tại phụ lục kèm theo. Kết quả đánh giá theo mức “Đạt” hoặc “Không đạt”.

Chất lượng dịch vụ được đánh giá “Đạt” khi tổng điểm từ 80 điểm trở lên;

Chất lượng dịch vụ được đánh giá là “Không đạt” khi tổng điểm dưới 80 điểm.

3. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công được đánh giá mức “Đạt” trở lên, dịch vụ sự nghiệp công được nghiệm thu, thanh toán 100% kinh phí theo quy định của pháp luật.

4. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công được đánh giá “Không đạt”:

a) Trước khi kết thúc niên độ ngân sách, cơ quan giao nhiệm vụ/đặt hàng đánh giá “Đạt” và thanh toán 100% kinh phí đối với các dịch vụ sự nghiệp công đã được khắc phục chất lượng, được đánh giá lại từ 80 điểm trở lên.

b) Trường hợp hết niên độ ngân sách, dịch vụ sự nghiệp công có số điểm đánh giá dưới 80 điểm thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 và Điều 15 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP thì được điều chỉnh kinh phí để thanh toán, quyết toán.

c) Đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công không được thanh toán và phải hoàn lại kinh phí đã tạm ứng (nếu có) đối với các trường hợp không thuộc điểm a, điểm b khoản này.

5. Đơn vị cung ứng dịch vụ lập, quyết toán kinh phí theo quy định của Quyết định hoặc Hợp đồng giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu dịch vụ sự nghiệp công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành về tạm ứng, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định này.

2 Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan thực hiện Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong trường hợp cần thiết. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công được điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

3. Phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát, kiểm tra các đơn vị cung ứng dịch vụ; nghiệm thu, đánh giá việc thực hiện dịch vụ sự nghiệp công theo quy định này. Hằng năm, trước ngày 31/12, báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực khoa học và công nghệ.

4. Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ để xem xét, tham mưu hoặc quyết định (theo uỷ quyền) giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ năm tiếp theo đảm bảo hiệu quả và đúng quy định pháp luật.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về hành vi, quyết định của các bên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh theo thẩm quyền.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan đến dịch vụ sự nghiệp công

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thực hiện đúng tiến độ, đạt số lượng, khối lượng, chất lượng dịch vụ theo Hợp đồng/Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu dịch vụ và theo quy định này.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công. Thông báo kịp thời đến Sở Khoa học và Công nghệ nếu phát hiện đơn vị cung ứng dịch vụ có dấu hiệu vi phạm để tổng hợp, xử lý theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của đơn vị cung ứng dịch vụ

1. Tổ chức, thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo về số lượng, khối lượng, tiến độ theo yêu cầu của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu và theo chất lượng dịch vụ được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

2. Thanh, quyết toán kinh phí cung cấp dịch vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật.

3. Thực hiện báo cáo định kỳ theo Hợp đồng/Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu hoặc báo cáo đột xuất khi cấp có thẩm quyền yêu cầu.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

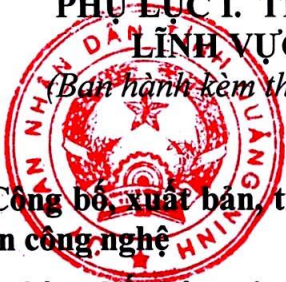
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2025.

Đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh đã được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu trước ngày Quyết định có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại thời điểm giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.


**PHỤ LỤC I. TIÊU CHÍ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2025/QĐ-UBND ngày 16/5/2025)



I. Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ KH&CN và phát triển công nghệ


1.1. Công bố thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Tiêu chí 1: Thu thập thông tin			
1.1	-Thu thập thông tin nhiệm vụ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước	Phiếu thu thập thông tin và phiếu cập nhật thông tin (nếu nhiệm vụ có sửa đổi, bổ sung) Phiếu thông tin gồm bản giấy và bản điện tử	10	
1.2	Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước	Phiếu thông tin và phiếu cập nhật thông tin (nếu nhiệm vụ có sửa đổi, bổ sung) Phiếu thông tin gồm bản giấy và bản điện tử	10	
1.3	- Thu thập thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Phiếu thông tin (gồm bản giấy và bản điện tử)	10	
2.	Tiêu chí 2: Xử lý thông tin và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ	Thông tin được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ. Đối với nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách, nhiệm vụ phải được cơ quan nhà nước quản lý nhiệm vụ KH&CN thẩm định trước khi cập nhật	20	
3	Tiêu chí 3: Sản phẩm			
3.1	- Báo cáo tổng hợp về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành trong năm theo quy định.	Xây dựng Báo cáo gửi về cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của bộ, ngành và địa phương và về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia	10	
3.2	Báo cáo tổng hợp kết quả ứng dụng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Báo cáo gửi về cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của bộ, ngành và địa phương và về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia	10	
3.3	- Tổng hợp số liệu về số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ứng dụng trong năm theo quy định	Số liệu gửi về cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của bộ, ngành và địa phương và về Cục Thông tin	10	



		khoa học và công nghệ quốc gia		
4	Tiêu chí 4. Công bố thông tin			
4.1	Công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành	Công bố lên Cổng Thông tin điện tử của Sở KH&CN	10	
4.2	Công bố báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Công bố lên Cổng Thông tin điện tử của Sở KH&CN	10	
	TỔNG CỘNG		100	

1.2. Tuyên truyền, phổ biến thông tin khoa học và công nghệ



STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Tiêu chí 1. Chủ đề tuyên truyền, phổ biến thông tin	- Chủ đề tuyên truyền, phổ biến thông tin theo hợp đồng đặt hàng và/ hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	20	
2	Tiêu chí 2. Số lượng cuộc tuyên truyền, phổ biến thông tin	- Số lượng các cuộc tuyên truyền, phổ biến thông tin theo hợp đồng đặt hàng và/ hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	20	
3	Tiêu chí 3. Thời điểm tổ chức	- Thời điểm tổ chức tuyên truyền, phổ biến thông tin KH&CN theo hợp đồng đặt hàng và/ hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	20	
4	Tiêu chí 4. Số lượng đại biểu tham gia	- 100% số lượng đại biểu tham gia theo hợp đồng đặt hàng và/ hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	20	
5	Tiêu chí 5. Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức tuyên truyền, phổ biến thông tin	- Tổng quan được các kết quả tổ chức phổ biến thông tin	20	
TỔNG ĐIỂM			100	

2. Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; cung cấp dịch vụ ươm tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

2.1. Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Tiêu chí 1. Xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kế hoạch, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt	30	
2	Tiêu chí 2. Nội dung hỗ trợ	Theo Hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	30	
3	Tiêu chí 3. Đối tượng hỗ trợ	Theo Hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	20	
4	Tiêu chí 4. Sản phẩm	Theo Hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	20	
TỔNG CỘNG			100	

2.2. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu cá nhân và tổ chức khoa học và công nghệ

STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Tiêu chí 1. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tổ chức khoa học và công nghệ			
1.1	Lập danh mục các tổ chức KH&CN.	Danh sách các tổ chức KH&CN	5	
1.2	Thu thập thông tin các tổ chức KH&CN.	Biểu ghi về các thông tin của tổ chức khoa học và công nghệ: ngày thành lập, địa chỉ, số điện thoại, email, website, thủ trưởng, Cơ quan quản lý trực tiếp, loại hình tổ chức, lĩnh vực nghiên cứu, loại hình hoạt động khoa học và công nghệ chính	15	
1.3	Tạo và cấp tài khoản cho các tổ chức KH&CN.	Danh sách tên tài khoản của các tổ chức khoa học và công nghệ	10	
1.4	Kiểm tra, rà soát, chuẩn hóa thông tin và trao đổi với các tổ chức KH&CN	Biểu ghi về các thông tin của tổ chức khoa học và công nghệ được bổ sung đầy đủ thông tin còn thiếu hoặc hiệu chỉnh thông tin không chính xác	15	
1.5	Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Cơ sở dữ liệu của các tổ chức khoa học và công nghệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt	10	
1.6	Kiểm tra lại lần cuối hiển thị của biểu ghi vừa xuất bản trên trang mạng Hệ thống thông tin KH&CN.	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin trên hệ thống thông tin KH&CN	5	
2	Tiêu chí 2. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ khoa học và công nghệ			
2.1	Tạo và cấp tài khoản cho các Cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Danh sách tài khoản được cấp	5	
2.2	Nhận thông tin phản hồi và hiệu chỉnh.	Biểu ghi được hiệu chỉnh theo các thông tin phản hồi (nếu có phản hồi)	15	
2.3	Trình cấp có thẩm quyền	Cơ sở dữ liệu được lãnh đạo	10	

	phê duyệt và xuất bản.	phê duyệt		
2.4	Kiểm tra lại lần cuối hiện thị của biểu ghi vừa xuất bản trên trang mạng Hệ thống thông tin KH&CN.	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin được đăng tải trên hệ thống thông tin KH&CN.	10	
TỔNG CỘNG			100	




3. Môi giới, xúc tiến, tư vấn và dịch vụ khác phục vụ chuyển giao công nghệ; tổ chức thực hiện khảo sát, tìm kiếm lựa chọn tiến bộ kỹ thuật đề xuất triển khai thành các nhiệm vụ KH&CN các cấp

3.1. Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ

STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1.	Tiêu chí 1. Chuẩn bị thực hiện dịch vụ	Báo cáo xác định các yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ; Biên bản thỏa thuận thực hiện dịch vụ.	10	
2.	Tiêu chí 2. Lập kế hoạch thực hiện	Bảng kế hoạch thực hiện và kết quả dự kiến.	10	
3.	Tiêu chí 3. Chuẩn bị đánh giá trình độ và năng lực công nghệ	- Báo cáo phương án đánh giá trình độ và năng lực công nghệ - Báo cáo kế hoạch điều tra, khảo sát đánh giá trình độ và năng lực công nghệ - Đội ngũ nhân lực của Bên sử dụng dịch vụ được tập huấn các kiến thức cần thiết, bộ phiếu điều tra, khảo sát được xây dựng để thực hiện hoạt động đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.	20	
4	Tiêu chí 4. Khảo sát, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ	Báo cáo hỗ trợ hoạt động khảo sát, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.	15	
5	Tiêu chí 5. Xử lý, phân tích số liệu và xây dựng các báo cáo đánh giá công nghệ	- Báo cáo đánh giá thực trạng trình độ và năng lực công nghệ. - Báo cáo đánh giá hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ. - Báo cáo đánh giá khả năng nghiên cứu phát triển công nghệ. - Báo cáo đánh giá hoạt động đổi mới công nghệ - Báo cáo đánh giá năng lực hấp thụ công nghệ.	20	
6	Tiêu chí 6. Công bố, duy trì, cải tiến cơ sở dữ liệu đánh giá trình	- Kế hoạch công bố kết quả đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất;	15	

	độ và năng lực công nghệ	- Kế hoạch duy trì, cải tiến, cập nhật Hệ thống Cơ sở dữ liệu đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.		
7	7. Tiêu chí 7. Kết thúc dịch vụ	- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; - Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.	10	
	TỔNG CỘNG		100	

3.2. Hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ



STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1.	Tiêu chí 1. Chuẩn bị thực hiện dịch vụ	Báo cáo xác định các yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ; Biên bản thỏa thuận thực hiện dịch vụ.	15	
2.	Tiêu chí 2. Lập kế hoạch thực hiện.	- Bảng kế hoạch thực hiện dịch vụ và kết quả dự kiến.	15	
3.	Tiêu chí 3. Hỗ trợ xây dựng hồ sơ công nghệ	- Các hồ sơ công nghệ chi tiết theo yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ	15	
4.	Tiêu chí 4. Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ	- Báo cáo lộ trình đổi mới công nghệ.	20	
5.	Tiêu chí 5. Lập kế hoạch triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ	- Kế hoạch triển khai lộ trình đổi mới công nghệ. - Kế hoạch duy trì, cập nhật, điều chỉnh cơ sở để thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ	20	
6.	Tiêu chí 6. Kết thúc dịch vụ	- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ. - Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.	15	
TỔNG CỘNG			100	

3.3. Hỗ trợ đổi mới công nghệ

STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
2	Tiêu chí 1. Chuẩn bị hoạt động dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo xác định nhu cầu hỗ trợ đổi mới công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ; - Biên bản thỏa thuận thực hiện dịch vụ. 	10	
3.	Tiêu chí 2. Đánh giá hiện trạng và lập kế hoạch thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hiện trạng công nghệ, thiết bị - Bảng kế hoạch thực hiện hoạt động đổi mới công nghệ. 	15	
4.	Tiêu chí 3. Phân tích, đánh giá công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp, phân tích đánh giá các công nghệ liên có khả năng ứng dụng để cải tiến/đổi mới công nghệ. - Báo cáo đề xuất các phương án đổi mới công nghệ. 	15	
5.	Tiêu chí 4. Lựa chọn phương án đổi mới công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo phân tích, đánh giá xác định các lựa chọn các công nghệ có khả năng ứng dụng để cải tiến/đổi mới công nghệ ưu tiên. - Biên bản xác nhận phương án đổi mới công nghệ. 		
5.1	Đánh giá khả năng tiếp nhận (đối với bên có công nghệ chuyển giao - Bên cung công nghệ)	Báo cáo đánh giá khả năng tiếp nhận công nghệ.	15	
5.2	Đánh giá khả năng chuyển giao (đối với bên tiếp nhận công nghệ chuyển giao - Bên cầu công nghệ)	Báo cáo đánh giá khả năng chuyển giao công nghệ.	15	
6.	Tiêu chí 6. Hỗ trợ triển khai đổi mới công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Bản kế hoạch chi tiết triển khai phương án đổi mới công nghệ; - Biên bản (hợp đồng) hỗ trợ triển khai phương án đổi mới công nghệ. 	20	
7.	Tiêu chí 7. Kết thúc dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; - Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ. 	10	

	nghệ.		
TỔNG CỘNG		100	

3.4 Hỗ trợ chuyển giao công nghệ


STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Tiêu chí 1. Chuẩn bị thực hiện dịch vụ	- Báo cáo xác định các yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ; - Biên bản thỏa thuận thực hiện dịch vụ.	10	
2.	Tiêu chí 2. Đánh giá công nghệ, xây dựng kế hoạch thực hiện; Đánh giá hiện trạng, xây dựng kế hoạch thực hiện			
2.1	Đánh giá công nghệ, xây dựng kế hoạch thực hiện (đối với bên có công nghệ chuyển giao - Bên cung công nghệ)	- Báo cáo đánh giá, phân tích thiết bị, công nghệ, xác định tiềm năng thị trường và khả năng chuyển giao công nghệ; - Bảng kế hoạch thực hiện hoạt động xúc tiến chuyển giao công nghệ	10	
2.2	Nội dung đánh giá hiện trạng, xây dựng kế hoạch thực hiện (đối với bên tiếp nhận công nghệ chuyển giao - Bên cầu công nghệ)	- Báo cáo đánh giá hiện trạng, xác định nhu cầu chuyển giao công nghệ; - Bảng kế hoạch thực hiện hoạt động tiếp nhận công nghệ.	10	
3.	Tiêu chí 3. Đánh giá nhu cầu công nghệ; Tìm kiếm, phân tích, lựa chọn công nghệ			
3.1	Đánh giá nhu cầu công nghệ (đối với bên có công nghệ chuyển giao - Bên cung công nghệ)	Báo cáo đánh giá nhu cầu công nghệ.	8	
3.2	Tìm kiếm, phân tích, lựa chọn công nghệ (đối với bên tiếp nhận công nghệ chuyển giao - Bên cầu công nghệ)	Báo cáo kết quả lựa chọn công nghệ.	7	

4.	Tiêu chí 4. Đánh giá khả năng tiếp nhận công nghệ; Đánh giá khả năng chuyển giao công nghệ			
4.1	Đánh giá khả năng tiếp nhận (đối với bên có công nghệ chuyển giao - Bên cung công nghệ)	Báo cáo đánh giá khả năng tiếp nhận công nghệ.	8	
4.2	Đánh giá khả năng chuyển giao (đối với bên tiếp nhận công nghệ chuyển giao - Bên cầu công nghệ)	Báo cáo đánh giá khả năng chuyển giao công nghệ.	7	
5.	Tiêu chí 5. Kết nối chuyển giao công nghệ	- Biên bản thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ - Hợp đồng chuyển giao công nghệ	15	
6.	Tiêu chí 6. Hỗ trợ thực hiện chuyển giao công nghệ	- Bản kế hoạch chi tiết thực hiện biên bản/hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Biên bản thống nhất triển khai các hoạt động hỗ trợ chuyển giao công nghệ.	15	
7.	Tiêu chí 7. Kết thúc dịch vụ	- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ; - Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ.	10	
TỔNG CỘNG			100	

3.5. Mô hình trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ

STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1.	Tiêu chí 1. Quy mô của dịch vụ/mô hình	- Quy mô của dịch vụ/ mô hình đúng theo Hợp đồng và/ hoặc theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền	10	
2.	Tiêu chí 2. Tiến độ thực hiện dịch vụ/mô hình	- Theo Hợp đồng và/ hoặc theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền	10	
3.	Tiêu chí 3. Sản phẩm của dịch vụ/mô hình			
	Tiêu chí 2.1. Số lượng, khối lượng sản phẩm	- Đảm bảo đủ số lượng, khối lượng sản phẩm theo Hợp đồng và/ hoặc theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền	20	
	Tiêu chí 2.2. Chất lượng sản phẩm	- Chất lượng sản phẩm đúng theo Hợp đồng và/ hoặc theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền	20	
	Tiêu chí 2.3. Chủng loại sản phẩm	- Chủng loại sản phẩm đủ theo Hợp đồng và/ hoặc theo Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền	10	
4	Tiêu chí 4. Báo cáo tổng hợp			
-	Tiêu chí 1.1. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện của dịch vụ/mô hình	- Tổng quan được các kết quả thực hiện của dịch vụ/mô hình	10	
-	Tiêu chí 1.2. Số liệu của dịch vụ/mô hình	- Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật	10	
-	Tiêu chí 1.3. Nội dung báo cáo tổng hợp	- Nội dung báo cáo tổng hợp được trình bày logic, khoa học, phản ánh trung thực kết quả thực hiện dịch vụ/mô hình	10	
TỔNG ĐIỂM			100	

3.6 Tổ chức khảo sát, tìm kiếm lựa chọn tiến bộ kỹ thuật đề xuất triển khai thành các nhiệm vụ KH-CN các cấp



STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Tiêu chí 1. Số lượng địa phương/ đơn vị/ cá nhân/ sản phẩm/ dịch vụ khảo sát	- Số lượng địa phương/đơn vị/cá nhân/sản phẩm/dịch vụ khảo sát đạt 100% so với Hợp đồng hoặc quyết định giao nhiệm vụ/ đặt hàng.	40	
2	Tiêu chí 2. Số lượng đề xuất nhiệm vụ	- Số lượng đề xuất nhiệm vụ đạt 100% so với Hợp đồng hoặc quyết định giao nhiệm vụ/ đặt hàng	40	
3	Tiêu chí 3. Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát	- Tổng quan được các kết quả tổ chức khảo sát, thống kê được các nhu cầu đổi mới công nghệ, nhu cầu ứng dụng tiến bộ KH-CN vào sản xuất của các địa phương/đơn vị/cá nhân/sản phẩm/dịch vụ khảo. - Số liệu có độ tin cậy, xác thực - Nội dung báo cáo tổng hợp được trình bày theo kết cấu hệ thống, logic khoa học, phản ánh trung thực kết quả thực hiện - Kết cấu nội dung, văn phong phù hợp	20	
TỔNG CỘNG			100	



3.7. Duy trì hoạt động của Trạm khai thác thông tin và dịch vụ sở hữu công nghiệp (IPPLATFORM)

STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Tiêu chí 1: Tiếp nhận đề nghị hỗ trợ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân	Tiếp nhận đề nghị hỗ trợ theo nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân (thường xuyên 24/7)	15	
2	Tiêu chí 2: Hỗ trợ tư vấn và hướng dẫn về sở hữu trí tuệ.	100% tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu được hỗ trợ tư vấn và hướng dẫn đăng ký về sở hữu trí tuệ. Có danh sách các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được tư vấn hỗ trợ	35	
3	Tiêu chí 3: Duy trì Trạm khai thác thông tin và dịch vụ sở hữu công nghiệp	Hợp đồng với Viện Khoa học Sở hữu Trí tuệ về việc duy trì, cập nhật thông tin sở hữu công nghiệp vào Công cụ quản trị tài sản trí tuệ	25	
4	Tiêu chí 3: Chế độ báo cáo	Báo cáo 06 tháng và báo cáo năm về việc duy trì hoạt động của Trạm khai thác thông tin và dịch vụ sở hữu công nghiệp (IPPLATFORM)	25	

**PHỤ LỤC II. TIÊU CHÍ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ LĨNH VỰC
TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 16/5/2025)



I. Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

STT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Tiêu chuẩn đánh giá	
			Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Tiêu chí 1: Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường			
1.1	Hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Dựa trên thống kê tài sản hàng năm của tổ chức cung cấp dịch vụ.	5	
1.2	Các thiết bị, phương tiện phụ trợ phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường		5	
2	Tiêu chí 2: Nhân lực phục vụ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường			
2.1	Số lượng kiểm định viên trực tiếp được đào tạo, có các chứng chỉ chuyên ngành phù hợp	Dựa trên số liệu thống kê, hồ sơ nhân sự và hợp đồng lao động, hợp đồng thuê chuyên gia từ 03 tháng trở lên của tổ chức cung ứng dịch vụ	5	
2.2	Nhân lực quản lý được đào tạo phù hợp với yêu cầu quản lý		5	
3	Tiêu chí 3: Tự kiểm tra giám sát			
3.1	Có kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của tổ chức cung ứng dịch vụ	1. Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của tổ chức cung ứng dịch vụ 2. Biên bản tự kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của tổ chức cung ứng dịch vụ	5	
3.2	Tổ chức thực hiện tự kiểm, giám sát hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của tổ chức cung ứng dịch vụ		5	
4	Tiêu chí 4: Lưu trữ thông tin			
4.1	Thời gian, chủng loại, định dạng, mức độ đầy đủ của thông tin nộp lưu trữ	Biên bản bàn giao, nộp lưu trữ thông tin hoặc văn bản có giá trị tương đương xác minh việc nộp lưu trữ thông tin	5	
4.2	Vật mang tin đúng quy định (dạng giấy, dạng số)		5	

	Tiêu chí 5: Chấp hành quy định kỹ thuật			
5.1	Tuân thủ quy định về hiệu chuẩn, kiểm tra, kiểm định đối với máy móc, thiết bị quan trắc, thiết bị phân tích, phòng thí nghiệm	1. Các quy định kỹ thuật (quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định, quy trình) đã được công bố, ban hành và được phép sử dụng trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;	5	
5.2	Chấp hành các quy định kỹ thuật hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trong điều kiện bình thường	2. Báo cáo kiểm tra, giám sát hoạt động quan trắc của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); biên bản, báo cáo kết quả hiệu chuẩn, kiểm tra, kiểm định đối với máy móc, thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	5	
5.3	Chấp hành các quy định kỹ thuật hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trong điều kiện có các bất thường về thời tiết, môi trường hoặc các nguyên nhân khác quan khác ảnh hưởng đến việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường		5	
6	Tiêu chí 6: Sản phẩm			
6.1	Mức độ đáp ứng về số lượng theo đặt hàng, kế hoạch được giao	Căn cứ tổng hợp, thống kê, số lượng, chu kỳ kiểm định, hiệu chuẩn..theo quy định của pháp luật đối với phương tiện đo. Tổ chức cung ứng dịch vụ công thực hiện việc bố trí nhân lực, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm số lượng phương tiện đo theo đặt hàng/kế hoạch đã được giao	15	
6.2	Chất lượng được cơ quan chuyên môn đánh giá theo quy định và công nhận	- Căn cứ các văn bản, quy chế, công tác kiểm tra giám sát, nghiệm thu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức được giao nhiệm vụ đặt hàng; - Các phương tiện đo được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật	20	
7	Tiêu chí 7: An toàn lao động			
7.1	Người lao động thực hiện công việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động theo quy định	Dựa trên báo cáo, thống kê của tổ chức cung ứng dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và các văn bản kiểm tra, nghiệm thu của cơ quan đặt hàng hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền.	5	
7.2	Tỷ lệ an toàn lao động trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo		5	

lương trong điều kiện bình thường; không có các tai nạn lao động nghiêm trọng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm đánh giá			
TỔNG CỘNG		100	

